



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 85, ngày 14/9/2024

LỊCH THI

Phòng thi	Địa điểm	Thời gian		Ghi chú
		Thi Nghe-Viết-Đọc	Thi Nói	
01	Phòng 501C1	7h00'	Bắt đầu 13h00' TS tập trung theo giờ thi trên danh sách dự thi	
02	Phòng 502C1	7h00'		
03	Phòng 503C1	7h00'		
04	Phòng 504C1	7h00'		
05	Phòng 505C1	7h00'		
06	Phòng 506C1	7h00'		
07	Phòng 507C1	7h00'		
08	Phòng 508C1	7h00'		
09	Phòng 406C1	7h00'		
10	Phòng 407C1	7h00'		
11	Phòng 408C1	7h00'		
01-Trung	Phòng 305C1	7h00'		
02-Trung	Phòng 306C1	7h00'		
03-Trung	Phòng 307C1	7h00'		
04-Trung	Phòng 308C1	7h00'		

Ghi chú:

- Thí sinh tập trung tại phòng thi **trước giờ thi 15 phút**, thí sinh thi bảo lưu tập trung theo thời gian môn đăng ký thi trên danh sách
- Thí sinh mang theo Thẻ Sinh viên; CMND (CCCD) để làm thủ tục dự thi
- Trang phục khi dự thi: Nam mặc áo sơ mi bỏ vào quần; Nữ trang phục gọn gàng, nghiêm túc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0022411442	Huỳnh Bình	An	Nam	Kinh	20/11/2004	Tiền Giang	P.501-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000002	0022410206	Nguyễn Thị Khánh	An	Nữ	Kinh	31/3/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		12h30'		
3	000003	0022410037	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	Kinh	13/11/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		12h40'		
4	000004	0022410155	Phạm Thị Thúy	An	Nữ	Kinh	08/01/2004	An Giang	P.501-C1		12h40'		
5	000005	0022412506	Hứa Hồ Hoàng	Ân	Nam	Kinh	03/01/2004	Cần Thơ	P.501-C1		12h50'		
6	000006	0022411021	Nguyễn Hoàng	Ân	Nam	Kinh	22/10/2004	Bến Tre	P.501-C1		12h50'		
7	000007	0022412383	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	Nữ	Kinh	25/8/2004	Cần Thơ	P.501-C1		13h00'		
8	000008	0022410181	Lê Lan	Anh	Nữ	Kinh	22/12/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h00'		
9	000009	0022410197	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	Kinh	19/9/2004	An Giang	P.501-C1		13h10'		
10	000010	0022412284	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	Kinh	30/7/2004	TP HCM	P.501-C1		13h10'		
11	000011	0022411768	Phạm Văn Ngọc	Anh	Nam	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
12	000012	0022410399	Phan Thị Trâm	Anh	Nữ	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h20'		
13	000013	0022410226	Võ Thị Vân	Anh	Nữ	Kinh	28/02/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'		
14	000014	0022410007	Trần Ngọc	Ánh	Nữ	Kinh	07/7/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h30'		
15	000015	0022410274	Hà Gia	Bảo	Nam	Kinh	23/6/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
16	000016	0022412650	Ngô Gia	Bảo	Nam	Kinh	26/11/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h40'		
17	000017	0022412659	Bùi Mai Như	Bình	Nữ	Kinh	23/12/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
18	000018	0022410512	Lê Phước	Bình	Nam	Kinh	12/12/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		13h50'		
19	000019	0022412107	Phạm Thanh	Bưởi	Nam	Kinh	02/10/2004	Cà Mau	P.501-C1		14h00'		
20	000020	0022410241	Nguyễn Quốc	Cang	Nam	Kinh	03/12/2003	Hậu Giang	P.501-C1		14h00'		
21	000021	0022410801	Nguyễn Lê Quốc	Cường	Nam	Kinh	20/02/2002	Đồng Tháp	P.501-C1		14h10'		
22	000022	0022412417	Phạm Văn Chí	Cường	Nam	Kinh	26/7/2002	Cần Thơ	P.501-C1		14h10'		
23	000023	0022411581	Phan Thanh	Đạm	Nam	Kinh	07/7/2004	Vĩnh Long	P.501-C1		14h20'		
24	000024	0022412480	Lê Tấn	Đạt	Nam	Kinh	21/7/2004	Đồng Tháp	P.501-C1		14h20'		

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
504-
C1

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SÔ: 02

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
											Giờ thi	Địa điểm
1	000025	0022410816	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	Kinh	01/11/2004	Tiền Giang	P.502-C1		14h30'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000026	0021412183	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	Kinh	20/7/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h30'		
3	000027	0022412263	Trần Thị Ngọc Diệp	Nữ	Kinh	30/3/2004	Vĩnh Long	P.502-C1		14h40'		
4	000028	0022410885	Lê Phước Định	Nam	Kinh	03/6/2003	Đồng Tháp	P.502-C1		14h40'		
5	000029	0022411929	Phan Ngọc Thường	Đoan	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	P.502-C1			12h30'
6	000030	0022411083	Quách Dũng	Nam	Kinh	01/5/2004	Bạc Liêu	P.502-C1		12h30'		
7	000031	0022410774	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	Kinh	20/01/2004	Bà Rịa-Vũng Tàu	P.502-C1		12h40'		
8	000032	0022410371	Phạm Văn Hường	Nam	Kinh	18/9/2003	Long An	P.502-C1		12h40'		
9	000033	0022410698	Phan Đại Duy	Nam	Kinh	02/5/2004	Bến Tre	P.502-C1		12h50'		
10	000034	0022412479	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	Kinh	15/4/2004	Cần Thơ	P.502-C1		12h50'		
11	000035	0022411340	Phạm Văn Ngọc Em	Nam	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
12	000036	0022410757	Trần Thị Gấm	Nữ	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h00'		
13	000037	0022410864	Đỗ Thị Cẩm Giang	Nữ	Kinh	20/7/2003	Long An	P.502-C1		13h10'		
14	000038	0021410184	Nguyễn Hương Giang	Nữ	Kinh	31/12/2003	Đồng Nai	P.502-C1		13h10'		
15	000039	0022410458	Nguyễn Trần Hương Giang	Nữ	Kinh	22/9/2004	Long An	P.502-C1		13h20'		
16	000040	0022410087	Phan Thị Kim Giang	Nữ	Kinh	12/01/2004	Sóc Trăng	P.502-C1		13h20'		
17	000041	0022412602	Trần Thị Hồng Giang	Nữ	Kinh	25/12/2004	An Giang	P.502-C1		13h30'		
18	000042	0022410934	Đoàn Lượng Xuân Giàu	Nữ	Kinh	17/8/2004	Tiền Giang	P.502-C1		13h30'		
19	000043	0022411220	Trần Thị Ngọc Hà	Nữ	Kinh	15/9/2004	An Giang	P.502-C1		13h40'		
20	000044	0022410250	Võ Mỹ Hà	Nữ	Kinh	09/11/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		13h40'		
21	000045	0022412038	Lê Nhật Gia Hân	Nữ	Kinh	15/02/2004	Bến Tre	P.502-C1		13h50'		
22	000046	0021412330	Nguyễn Cao Mỹ Hân	Nữ	Kinh	21/12/2003	Tây Ninh	P.502-C1		13h50'		
23	000047	0022412316	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	Kinh	06/11/2004	Đồng Tháp	P.502-C1		14h00'		
24	000048	0022411059	Nguyễn Trần Gia Hân	Nữ	Kinh	16/10/2004	An Giang	P.502-C1		14h00'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SÔ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0022412540	Đặng Thị Thu	Hằng	Nữ	Kinh	01/5/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		14h10'	Phòng tập trung chờ thi: 504-C1	
2	000050	0022410508	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	Nữ	Kinh	05/4/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		14h10'		
3	000051	0022410549	Lâm Trần Phú	Hào	Nam	Kinh	16/10/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		14h20'		
4	000052	0022411508	Phan Văn	Hào	Nam	Kinh	16/10/2004	Cà Mau	P.503-C1		14h20'		
5	000053	0022410799	Võ Thanh	Hào	Nam	Kinh	09/8/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		14h30'		
6	000054	0022412669	Bùi Thị Mỹ	Hào	Nữ	Kinh	11/8/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		14h30'		
7	000055	0021412370	Bùi Trần Trung	Hậu	Nam	Kinh	09/02/2001	Bến Tre	P.503-C1		14h40'		
8	000056	0022410576	Lại Phúc	Hậu	Nam	Kinh	03/4/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		14h40'		
9	000057	0022412623	Lê Trung	Hiếu	Nam	Kinh	01/4/2004	Bạc Liêu	P.503-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
10	000058	0022412759	Lê Văn	Hiếu	Nam	Kinh	23/02/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		12h30'		
11	000059	0022410341	Phạm	Hiếu	Nam	Kinh	14/02/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		12h40'		
12	000060	0022410596	Huỳnh Thị Kim	Hòa	Nữ	Kinh	11/11/2004	An Giang	P.503-C1		12h40'		
13	000061	0020411231	Vũ Đức	Hoàng	Nam	Kinh	27/6/2002	TP HCM	P.503-C1		12h50'		
14	000062	0022411853	Nguyễn Nhựt	Hồng	Nam	Kinh	04/8/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		12h50'		
15	000063	0022410021	Trần Thị Bé	Hồng	Nữ	Kinh	06/4/2004	Bến Tre	P.503-C1		13h00'		
16	000064	0022410625	Đặng Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	30/12/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		13h00'		
17	000065	0022410173	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	Kinh	20/5/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		13h10'		
18	000066	0022410431	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	Kinh	29/01/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		13h10'		
19	000067	0022410191	Phạm Thị Diễm	Hương	Nữ	Kinh	18/7/2004	TP HCM	P.503-C1		13h20'		
20	000068	0022410481	Trần Phước	Hưởng	Nam	Kinh	15/6/2000	Đồng Tháp	P.503-C1		13h20'		
21	000069	0022411569	Đặng Bá	Hường	Nam	Kinh	28/01/2004	Vĩnh Long	P.503-C1		13h30'		
22	000070	0022411572	Hồ Hoàng	Huy	Nam	Kinh	09/6/2004	Đồng Tháp	P.503-C1		13h30'		
23	000071	0021410287	Trịnh Gia	Huy	Nam	Kinh	16/9/2003	Bến Tre	P.503-C1		13h40'		
24	000072	0022412382	Lê Thị Trúc	Huyền	Nữ	Kinh	30/12/2004	Cần Thơ	P.503-C1		13h40'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SÔ: 04

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000073	0022411670	Lữ Thảo	Huyền	Nữ	Kinh	20/11/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h50'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000074	0022410514	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	10/4/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h50'		
3	000075	0022412209	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	Kinh	03/4/2004	Bến Tre	P.504-C1		14h00'		
4	000076	0022411405	Phan Thị Ngọc	Huyền	Nữ	Kinh	09/01/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		14h00'		
5	000077	0022412287	Đặng Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	15/02/2004	Cà Mau	P.504-C1		14h10'		
6	000078	0021410300	Nguyễn Thị Nguyệt	Huỳnh	Nữ	Kinh	09/3/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		14h10'		
7	000079	0022411388	Trần Thị Như	Huỳnh	Nữ	Kinh	04/7/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		14h20'		
8	000080	0022410568	Lê Quốc	Khải	Nam	Kinh	12/10/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		14h20'		
9	000081	0022412226	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	Kinh	03/10/2003	Tây Ninh	P.504-C1		14h30'		
10	000082	0021412492	Tạ Tấn	Khang	Nam	Kinh	05/9/2003	Tiền Giang	P.504-C1		14h30'		
11	000083	0021411366	Phạm Nguyễn Duy	Khanh	Nam	Kinh	09/01/2002	Bến Tre	P.504-C1		14h40'		
12	000084	0022410243	Bùi Duy	Khánh	Nam	Kinh	08/02/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		14h40'		
13	000085	0022410268	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	Kinh	31/7/2004	Vĩnh Long	P.504-C1		12h30'		
14	000086	0022412725	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	Kinh	19/7/2001	Cà Mau	P.504-C1		12h30'		
15	000087	0022411179	Nguyễn Minh	Khánh	Nam	Kinh	27/9/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		12h40'		
16	000088	0022410393	Võ Ngọc	Khánh	Nữ	Kinh	04/10/2004	Tiền Giang	P.504-C1		12h40'		
17	000089	0020410716	Bùi Văn Đăng	Khoa	Nam	Kinh	24/12/2002	Đồng Tháp	P.504-C1		12h50'		
18	000090	0017410528	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	Kinh	04/4/1999	Long An	P.504-C1		12h50'		
19	000091	0022410015	Dương Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	21/8/2004	Đồng Tháp	P.504-C1		13h00'		
20	000092	0022412528	Huỳnh Anh	Kiệt	Nam	Kinh	24/3/2004	Bến Tre	P.504-C1		13h00'		
21	000093	0022411415	Huỳnh Nguyễn Tấn	Kiệt	Nam	Kinh	26/6/2004	Long An	P.504-C1		13h10'		
22	000094	0022410465	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	04/11/2004	TP HCM	P.504-C1		13h10'		
23	000095	0022412605	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	08/6/2004	Bến Tre	P.504-C1		13h20'		
24	000096	0021412539	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	08/9/2003	Đồng Tháp	P.504-C1		13h20'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SÔ: 05

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000097	0022410758	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	Nữ	Kinh	26/6/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			13h30'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1
2	000098	0021412545	Nguyễn Thị Thuý	Kiều	Nữ	Kinh	07/11/2003	Bến Tre	P.505-C1			13h30'	
3	000099	0019410800	Tăng Gia	Kiều	Nam	Kinh	11/4/2001	An Giang	P.505-C1			13h40'	
4	000100	0022410331	Trần Ngọc	Lam	Nam	Kinh	01/10/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			13h40'	
5	000101	0018410407	Trần Thị Lệ Hồng	Lê	Nữ	Kinh	24/5/2000	Đồng Tháp	P.505-C1			13h50'	
6	000102	0022411401	Huỳnh Thị Ngọc	Liên	Nữ	Kinh	24/9/2004	Tiền Giang	P.505-C1			13h50'	
7	000103	0022411292	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	Kinh	19/5/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			14h00'	
8	000104	0022410038	Dương Văn Vũ	Linh	Nam	Kinh	26/11/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h00'	
9	000105	0022410502	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	Kinh	17/11/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h10'	
10	000106	0020411286	Nguyễn Ngọc Yến	Linh	Nữ	Kinh	14/11/2002	Đồng Tháp	P.505-C1			14h10'	
11	000107	0022412356	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	Kinh	02/02/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h20'	
12	000108	0022410516	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	Kinh	25/8/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h20'	
13	000109	0022411381	Trần Sơn	Lĩnh	Nữ	Kinh	20/11/2004	Cà Mau	P.505-C1			14h30'	
14	000110	0022412462	Nguyễn Bảo	Lộc	Nam	Kinh	08/01/2004	Kiên Giang	P.505-C1			14h30'	
15	000111	0022411426	Nguyễn Trọng	Lộc	Nam	Kinh	04/10/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			14h40'	
16	000112	0022412002	Trần Quang Hữu	Lộc	Nam	Kinh	01/01/1998	Bến Tre	P.505-C1			14h40'	
17	000113	0021411433	Nguyễn Phú	Lợi	Nam	Kinh	15/8/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			12h30'	
18	000114	0022412466	Nguyễn Thanh	Long	Nam	Kinh	25/4/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			12h30'	
19	000115	0022411104	Lê Thị Mỹ	Ly	Nữ	Kinh	13/6/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			12h40'	
20	000116	0022411208	Nguyễn Thị Bích	Ly	Nữ	Kinh	31/3/2004	Bến Tre	P.505-C1			12h40'	
21	000117	0021411447	Trần Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	02/6/2003	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
22	000118	0022411997	Trần Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	11/01/2004	Đồng Tháp	P.505-C1			12h50'	
23	000119	0022410764	Trần Yến	Ly	Nữ	Kinh	20/02/2004	Bến Tre	P.505-C1			13h00'	
24	000120	0022410052	Lê Thị Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	11/12/2003	Tiền Giang	P.505-C1			13h00'	

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SÔ: 06

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000121	0022310052	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	Kinh	07/8/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'	Phòng tập trung chờ thi: 508-C1	
2	000122	0021411454	Phan Thị Tuyết	Mai	Nữ	Kinh	19/9/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h10'		
3	000123	0022411312	Lê Phương Uyên	Mi	Nữ	Kinh	05/3/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'		
4	000124	0021411467	Nguyễn Thị Kiều	Mi	Nữ	Kinh	04/11/2003	Đồng Tháp	P.506-C1		13h20'		
5	000125	0022411516	Phan Thị Diễm	My	Nữ	Kinh	01/01/2004	Bạc Liêu	P.506-C1		13h30'		
6	000126	0022410672	Trương Thị Trà	My	Nữ	Kinh	10/7/2004	Long An	P.506-C1		13h30'		
7	000127	0022410190	Vương Đức Yến	My	Nữ	Kinh	13/6/2004	Vĩnh Long	P.506-C1		13h40'		
8	000128	0022412478	Đinh Gia Hoàng	Nam	Nam	Kinh	29/12/2004	Tiền Giang	P.506-C1		13h40'		
9	000129	0022410889	Nguyễn Thị Ngọc	Nền	Nữ	Kinh	15/6/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		13h50'		
10	000130	0022410791	Bùi Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	09/8/2004	Trà Vinh	P.506-C1		13h50'		
11	000131	0022410294	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	Kinh	12/02/2004	Long An	P.506-C1		14h00'		
12	000132	0022410018	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	11/10/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		14h00'		
13	000133	0022412244	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	Kinh	07/11/2004	Vĩnh Long	P.506-C1		14h10'		
14	000134	0021410495	Phan Kim	Ngân	Nữ	Kinh	20/10/2002	Đồng Tháp	P.506-C1		14h10'		
15	000135	0022410057	Phan Thảo	Ngân	Nữ	Kinh	22/11/2004	Vĩnh Long	P.506-C1		14h20'		
16	000136	0022412082	Trần Khánh	Ngân	Nữ	Kinh	21/10/2003	TP HCM	P.506-C1		14h20'		
17	000137	0022412049	Trần Thanh	Ngân	Nữ	Kinh	26/6/2003	Quảng Ngãi	P.506-C1		14h30'		
18	000138	0022411025	Trần Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	20/4/2004	Long An	P.506-C1		14h30'		
19	000139	0022410240	Nguyễn Thị Phương	Nghi	Nữ	Kinh	18/3/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		14h40'		
20	000140	0022411399	Trần Thị Mẫn	Nghi	Nữ	Kinh	29/6/2004	Long An	P.506-C1		14h40'		
21	000141	0022411626	Bùi Thiện	Ngộ	Nam	Kinh	30/5/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'	Phòng tập trung: 404-C1	
22	000142	0022411324	Huỳnh Hồng	Ngọc	Nữ	Kinh	05/01/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		12h30'		
23	000143	0022410858	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	Kinh	02/12/2004	Đồng Tháp	P.506-C1		12h40'		
24	000144	0022412696	Nguyễn Khánh	Nguyên	Nữ	Kinh	11/9/2004	Vĩnh Long	P.506-C1		12h40'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khoa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SỐ: 07

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				Môn Nói	Địa điểm
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Giờ thi		
1	000145	0022411397	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyễn	Nữ	Kinh	01/9/2004	Long An	P.507-C1			12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000146	0020410460	Phan Hữu Trung	Nguyễn	Nam	Kinh	28/6/2002	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'		
3	000147	0022410828	Đặng Hữu	Nhân	Nam	Kinh	04/02/2004	Bến Tre	P.507-C1			13h00'		
4	000148	0022410922	Đào Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	28/4/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			13h00'		
5	000149	0022410538	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Nữ	Kinh	06/9/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			13h10'		
6	000150	0022410420	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	16/12/2004	An Giang	P.507-C1			13h10'		
7	000151	0022412274	Phạm Yến	Nhi	Nữ	Kinh	17/8/2004	Cà Mau	P.507-C1			13h20'		
8	000152	0022412194	Phan Thị Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	12/10/2004	Tiền Giang	P.507-C1			13h20'		
9	000153	0022412486	Trần Tuyết	Nhi	Nữ	Kinh	05/10/2004	Bến Tre	P.507-C1			13h30'		
10	000154	0022412475	Nguyễn Thị Minh	Nhi	Nữ	Kinh	18/4/2004	An Giang	P.507-C1			13h30'		
11	000155	0022411178	Nguyễn Thị Mỹ	Nhiên	Nữ	Kinh	08/02/2004	Vĩnh Long	P.507-C1			13h40'		
12	000156	0022412207	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	31/12/2004	Bến Tre	P.507-C1			13h40'		
13	000157	0019310068	Bùi Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	16/01/2001	Long An	P.507-C1			13h50'		
14	000158	0022412258	Lê Ngọc Huyền	Như	Nữ	Kinh	10/7/2004	Bến Tre	P.507-C1			13h50'		
15	000159	0022410815	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	14/01/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'		
16	000160	0022410644	Ngô Thị Kiều	Như	Nữ	Kinh	12/3/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h00'		
17	000161	0022410807	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	14/11/2004	Vĩnh Long	P.507-C1			14h10'		
18	000162	0022412327	Nguyễn Thị Yến	Như	Nữ	Kinh	25/02/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h10'		
19	000163	0022410586	Phan Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	30/8/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h20'		
20	000164	0022411476	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	06/12/2004	An Giang	P.507-C1			14h20'		
21	000165	0022411676	Võ Thiện	Như	Nữ	Kinh	01/11/2004	Vĩnh Long	P.507-C1			14h30'		
22	000166	0022411852	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	Nữ	Kinh	01/5/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h30'		
23	000167	0021411625	Phan Thị Tuyết	Nhung	Nữ	Kinh	27/6/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			14h40'		
24	000168	0022410541	Nguyễn Ngọc	Nở	Nữ	Kinh	16/01/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			14h40'		
25	000169	0022411811	Nguyễn Lê Hoàng	Oanh	Nữ	Kinh	13/8/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h30'		
26	000170	0022412464	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	Nữ	Kinh	23/9/2003	Tiền Giang	P.507-C1			12h30'		
27	000171	0022410113	Cai Thị Bội	Phiến	Nữ	Kinh	01/11/2004	Tiền Giang	P.507-C1			12h40'		
28	000172	0022410124	Đinh Tấn	Phong	Nam	Kinh	08/8/2004	Đồng Tháp	P.507-C1			12h40'		
29	000173	0022411234	Nguyễn Thị Bài	Phong	Nữ	Kinh	29/9/2003	Đồng Tháp	P.507-C1			12h50'		

Tổng số thí sinh: 29



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SỐ: 08

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000174	0022412443	Nguyễn Văn Đăng	Phong	Nam	Kinh	02/11/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 404-C1	
2	000175	0022410511	Trần Văn Hoài	Phong	Nam	Kinh	09/4/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'		
3	000176	0022410290	Bùi Huỳnh	Phúc	Nam	Kinh	22/4/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h00'		
4	000177	0020410053	Dương Duy	Phúc	Nam	Kinh	16/11/2002	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'		
5	000178	0022412564	Phùng Hữu	Phúc	Nam	Kinh	14/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h10'		
6	000179	0022410340	Trương Hoàng	Phúc	Nam	Kinh	08/9/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h20'		
7	000180	0022410570	Nguyễn Thanh	Phương	Nam	Kinh	06/3/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h20'		
8	000181	0022412105	Nguyễn Thành	Phổ	Nam	Kinh	20/5/2004	An Giang	P.508-C1		13h30'		
9	000182	0022411731	Văn Lê Kim	Phương	Nữ	Kinh	31/10/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h30'		
10	000183	0022410092	Phan Thị Ngọc	Phượng	Nữ	Kinh	31/3/2004	Tiền Giang	P.508-C1		13h40'		
11	000184	0022410437	Cao Minh	Quân	Nam	Kinh	02/3/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h40'		
12	000185	0022411896	Bùi Thị Kim	Quyên	Nữ	Kinh	25/9/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
13	000186	0022412097	Nguyễn Đỗ Thuý	Quyên	Nữ	Kinh	16/6/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		13h50'		
14	000187	0022412622	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	Kinh	25/6/2004	Tiền Giang	P.508-C1		14h00'		
15	000188	0022411245	Lê	Quỳnh	Nữ	Kinh	28/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h00'		
16	000189	0022410332	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	Kinh	21/4/2004	Cần Thơ	P.508-C1		14h10'		
17	000190	0022410163	Trần Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	29/8/2004	Tây Ninh	P.508-C1		14h10'		
18	000191	0022410724	Võ Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	Kinh	18/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h20'		
19	000192	0022412074	Huỳnh Văn	Rỡ	Nam	Kinh	22/6/2004	Tiền Giang	P.508-C1		14h20'		
20	000193	0022410735	Trương Hoàng	Sang	Nam	Kinh	21/01/2004	TP HCM	P.508-C1		14h30'		
21	000194	0022410041	Ngô Minh	Son	Nam	Kinh	28/02/2004	Tiền Giang	P.508-C1		14h30'		
22	000195	0022410344	Nguyễn Huỳnh Phát	Tài	Nam	Kinh	29/8/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		14h40'		
23	000196	0022411567	Nguyễn Nhựt	Tài	Nam	Kinh	18/5/2004	Tiền Giang	P.508-C1		14h40'		
24	000197	0022412729	Đinh Bảo	Tâm	Nam	Kinh	29/4/2004	Quảng Bình	P.508-C1		12h30'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1	
25	000198	0022410267	Hồ Chí	Tâm	Nam	Kinh	12/02/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h30'		
26	000199	0022410013	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	Kinh	07/7/2004	An Giang	P.508-C1		12h40'		
27	000200	0022410079	Phạm Thanh	Tâm	Nam	Kinh	05/6/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h40'		
28	000201	0022411368	Nguyễn Hoàng Phúc	Thái	Nam	Kinh	03/01/2004	Bến Tre	P.508-C1		12h50'		
29	000202	0022410497	Trần Nhựt	Thái	Nam	Kinh	01/6/2004	Đồng Tháp	P.508-C1		12h50'		

Tổng số thí sinh: 29



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000203	0022410245	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	Kinh	17/01/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		13h00'	Phòng tập trung chờ thi: 408- C1	
2	000204	0022412756	Thái Xuân	Thanh	Nữ	Kinh	01/01/2004	Vĩnh Long	P.406-C1		13h00'		
3	000205	0022411879	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	Kinh	07/4/2004	Bến Tre	P.406-C1		13h10'		
4	000206	0022412587	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	07/5/2004	An Giang	P.406-C1		13h10'		
5	000207	0022412441	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	19/11/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		13h20'		
6	000208	0022412100	Võ Phú Thuận	Thiên	Nữ	Kinh	29/7/2004	Hậu Giang	P.406-C1		13h20'		
7	000209	0021411770	Diệp Thị Kim	Thơ	Nữ	Kinh	07/12/2003	Tiền Giang	P.406-C1		13h30'		
8	000210	0021413231	Lê Thị Kim	Thơ	Nữ	Kinh	29/01/2003	Đồng Tháp	P.406-C1		13h30'		
9	000211	0022411548	Trương Thị Anh	Thơ	Nữ	Kinh	06/6/2004	TP HCM	P.406-C1		13h40'		
10	000212	0022412218	Nguyễn Thắng Nhựt	Thông	Nam	Kinh	03/10/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		13h40'		
11	000213	0022410871	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	Nữ	Kinh	24/11/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		13h50'		
12	000214	0022410472	Bùi Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		13h50'		
13	000215	0022411590	Bùi Thị Minh	Thư	Nữ	Kinh	02/6/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		14h00'		
14	000216	0022412474	Lê Minh	Thư	Nữ	Kinh	16/11/2004	An Giang	P.406-C1		14h00'		
15	000217	0022410035	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	Kinh	06/5/2004	Bến Tre	P.406-C1		14h10'		
16	000218	0022411275	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	Kinh	02/4/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		14h10'		
17	000219	0021410886	Văn Thị Huỳnh	Thư	Nữ	Kinh	02/3/2001	Đồng Tháp	P.406-C1		14h20'		
18	000220	0021413292	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	17/8/2003	Bến Tre	P.406-C1		14h20'		
19	000221	0022412484	Nguyễn Công	Thuận	Nam	Kinh	08/8/2004	An Giang	P.406-C1		14h30'		
20	000222	0022412098	Thái Thị Diễm	Thúy	Nữ	Kinh	27/10/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		14h30'		
21	000223	0022412141	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	P.406-C1		14h40'		
22	000224	0022411372	Lê Thị Diễm	Thúy	Nữ	Kinh	27/9/2004	Bến Tre	P.406-C1		14h40'		
23	000225	0021411814	Trần Thị Phương	Thùy	Nữ	Kinh	30/4/2003	Đồng Tháp	P.406-C1		12h30'		
24	000226	0022411662	Lục Lan	Thy	Nữ	Kinh	10/4/2004	Tiền Giang	P.406-C1		12h30'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung			
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói
											Giờ thi
1	000227	0022410247	Võ Trần Anh	Thy	Nữ	Kinh	02/3/2004	Tây Ninh	P.407-C1		12h40'
2	000228	0022411198	Lâm Ngọc Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	15/6/2004	Kiên Giang	P.407-C1		12h40'
3	000229	0022410676	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	Kinh	06/02/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		12h50'
4	000230	0022411291	Đỗ Minh	Tiến	Nam	Kinh	26/5/2004	Tiền Giang	P.407-C1		12h50'
5	000231	0022412148	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	Kinh	13/02/2004	Tây Ninh	P.407-C1		13h00'
6	000232	0020410793	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	Kinh	06/12/2002	Đồng Tháp	P.407-C1		13h00'
7	000233	0022412508	Lê Thanh	Tiền	Nam	Kinh	27/8/2004	An Giang	P.407-C1		13h10'
8	000234	0022410351	Lê Hữu	Tín	Nam	Kinh	17/3/2004	Bến Tre	P.407-C1		13h10'
9	000235	0020411185	Lê Văn	Tín	Nam	Kinh	02/11/2002	Đồng Tháp	P.407-C1		13h20'
10	000236	0022412482	Tô Thành	Tín	Nam	Kinh	29/4/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h20'
11	000237	0022411522	Võ Trọng	Tính	Nam	Kinh	03/01/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h30'
12	000238	0022412361	Nguyễn Thanh	Tinh	Nam	Kinh	19/6/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h30'
13	000239	0022410100	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	Kinh	07/7/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h40'
14	000240	0022411073	Nguyễn Hoàng Nguyệt	Trâm	Nữ	Kinh	30/11/2004	TP HCM	P.407-C1		13h40'
15	000241	0022410608	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	05/10/2004	Vĩnh Long	P.407-C1		13h50'
16	000242	0022411996	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	Kinh	22/6/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		13h50'
17	000243	0022410009	Trương Ngọc Huyền	Trâm	Nữ	Kinh	02/11/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h00'
18	000244	0022412080	Chế Quyền	Trân	Nữ	Kinh	04/9/2004	Cần Thơ	P.407-C1		14h00'
19	000245	0022411212	Lê Thị Bảo	Trân	Nữ	Kinh	27/7/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h10'
20	000246	0022410081	Nguyễn Ngọc Giảng	Trân	Nữ	Kinh	21/02/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h10'
21	000247	0021411860	Lê Hà	Trang	Nữ	Kinh	31/3/2002	Đồng Tháp	P.407-C1		14h20'
22	000248	0022410687	Phạm Minh	Trí	Nam	Kinh	30/10/2004	Bến Tre	P.407-C1		14h20'
23	000249	0022310019	Dương Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	12/12/2004	An Giang	P.407-C1		14h30'
24	000250	0022411511	Dương Thị Cẩm	Trúc	Nữ	Kinh	08/5/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		14h30'
25	000251	0022411173	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	Kinh	14/3/2004	Vĩnh Long	P.407-C1		14h40'
26	000252	0022410932	Võ Nguyễn Minh	Trúc	Nữ	Kinh	11/4/2004	Long An	P.407-C1		14h40'
27	000253	0022410928	Lê Thành	Trung	Nam	Kinh	02/12/2004	Tiền Giang	P.407-C1		14h40'
28	000254	0022412495	Nguyễn Văn	Trường	Nam	Kinh	02/8/2004	Long An	P.407-C1		14h40'
29	000255	0022410927	Huỳnh Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	04/6/2004	Đồng Tháp	P.407-C1		12h30'
30	000256	0022410075	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	Kinh	06/12/2004	Long An	P.407-C1		12h30'

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
408-
C1

Tổng số thí sinh: 30



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SỐ: 11

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG ANH
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000257	0022410307	Nguyễn Lâm Anh	Tuấn	Nam	Kinh	25/3/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			12h40'	Phòng tập trung chờ thi: 408-C1
2	000258	0022410582	Bùi Minh Gia	Tuệ	Nữ	Kinh	08/3/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			12h40'	
3	000259	0022410405	Trần Huyền	Tuyết	Nữ	Kinh	07/5/2004	Bình Dương	P.408-C1			12h50'	
4	000260	0022411354	Đặng Thị Bích	Vân	Nữ	Kinh	13/9/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			12h50'	
5	000261	0022410413	Lý Tường	Vi	Nữ	Kinh	12/5/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h00'	
6	000262	0022410944	Trần Hoàng	Vũ	Nam	Kinh	24/4/2004	Bến Tre	P.408-C1			13h00'	
7	000263	0022411111	Bùi Thị Tường	Vy	Nữ	Kinh	25/6/2004	An Giang	P.408-C1			13h10'	
8	000264	0022410062	Lâm Bùi Nhật	Vy	Nữ	Kinh	27/7/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h10'	
9	000265	0022410510	Mai Nguyễn Yến	Vy	Nữ	Kinh	06/02/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h20'	
10	000266	0022410141	Nguyễn Hứa Thúy	Vy	Nữ	Kinh	04/11/2004	Bến Tre	P.408-C1			13h20'	
11	000267	0022411865	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Nữ	Kinh	27/01/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h30'	
12	000268	0022412351	Nguyễn Thúy	Vy	Nữ	Kinh	25/02/2004	Kiên Giang	P.408-C1			13h30'	
13	000269	0021310070	Phạm Trần Ngọc	Vy	Nữ	Kinh	24/6/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			13h40'	
14	000270	0022410783	Trần Thị Thanh	Vy	Nữ	Kinh	20/6/2004	Vĩnh Long	P.408-C1			13h40'	
15	000271	0022411937	Phạm Nhi	Ý	Nữ	Kinh	14/8/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h50'	
16	000272	0022411387	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	Kinh	04/11/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			13h50'	
17	000273	0022411533	Trần Như	Ý	Nữ	Kinh	12/12/2003	Bạc Liêu	P.408-C1			14h00'	
18	000274	0022412136	Ngô Thị Phi	Yến	Nữ	Kinh	01/01/2001	An Giang	P.408-C1			14h00'	
19	000275	0022410631	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	Kinh	17/10/2004	Đồng Tháp	P.408-C1			14h10'	
20	000276	0022410427	Trần Thị Bạch	Yến	Nữ	Kinh	10/6/2003	Đồng Tháp	P.408-C1			14h10'	
21	000277	0022410352	Khương Phước Triều	Cung	Nam	Kinh	07/9/2002	Đồng Tháp	408	BL	408	14h20'	
22	000278	0022412349	Phạm Thị Kim	Đào	Nữ	Kinh	01/4/2004	Long An	408	408	408	BL	
23	000279	0022412268	Đạo Kiều	Diễm	Nữ	Chăm	17/8/2004	Ninh Thuận	BL	408	BL	14h20'	
24	000280	0022412589	Đào Ngọc	Huỳnh	Nữ	Kinh	10/6/2004	Bạc Liêu	BL	408	BL	BL	
25	000281	0020411127	Trần Thị Yến	Linh	Nữ	Kinh	14/8/2002	Bến Tre	BL	BL	BL	14h30'	
26	000282	0022410310	Lê Thành	Lộc	Nam	Kinh	27/7/2004	Tiền Giang	BL	408	BL	BL	
27	000283	0022410490	Huỳnh Khánh	Minh	Nam	Kinh	11/8/2004	Cà Mau	BL	BL	408	BL	
28	000284	0022412610	Nguyễn Thị Kim	Mỹ	Nữ	Kinh	07/12/2002	Đồng Tháp	BL	408	BL	14h30'	
29	000285	0020410308	Nguyễn Văn Nhật	Nam	Nam	Kinh	02/02/2002	Đồng Tháp	408	408	BL	14h40'	
30	000286	0022411808	Hoàng	Nhi	Nữ	Kinh	12/9/2004	Đồng Tháp	BL	408	BL	BL	
31	000287	0022410380	Bùi Thị Mỹ	Phuong	Nữ	Kinh	25/7/2004	Cần Thơ	408	BL	408	BL	
32	000288	0020410127	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	Kinh	08/5/2002	Đồng Tháp	408	408	408	BL	
33	000289	0022410136	Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	Kinh	11/3/2002	Đồng Tháp	BL	BL	BL	14h40'	
34	000290	0022410977	Quách Bảo	Trân	Nữ	Kinh	02/7/2004	Đồng Tháp	BL	408	BL	14h40'	

Tổng số thí sinh: 34



PHÒNG THI SỐ: 01

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000001	0021410018	Võ Trần Kim	An	Nữ	Kinh	07/6/2003	Bến Tre	P.305-C1		12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1	
2	000002	0021412026	Đặng Ngọc Vân	Anh	Nữ	Kinh	26/12/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		12h50'		
3	000003	0022412408	Nguyễn Thị Tú	Anh	Nữ	Kinh	27/11/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h00'		
4	000004	0022410333	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	Nữ	Kinh	03/3/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h00'		
5	000005	0022412435	Nguyễn Võ Huỳnh	Anh	Nữ	Kinh	13/5/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h10'		
6	000006	0021411150	Đặng Như	Bình	Nữ	Kinh	12/11/2003	Cà Mau	P.305-C1		13h10'		
7	000007	0022410201	Đặng Thị Mộng	Bình	Nữ	Kinh	14/10/2004	Vĩnh Long	P.305-C1		13h20'		
8	000008	0021412126	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	Kinh	25/7/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		13h20'		
9	000009	0022412514	Đỗ Đạt	Đăng	Nam	Kinh	21/4/2004	An Giang	P.305-C1		13h30'		
10	000010	0022410986	Huỳnh Phạm Thành	Đạt	Nam	Kinh	17/7/2004	Tiền Giang	P.305-C1		13h30'		
11	000011	0022412306	Dương Thị Thuý	Dương	Nữ	Kinh	20/8/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		13h40'		
12	000012	0022410166	Huỳnh Thị Thùy	Dương	Nữ	Kinh	10/6/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h40'		
13	000013	0021411229	Võ Thái	Dương	Nam	Kinh	22/01/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		13h50'		
14	000014	0022412312	Trần Văn	Giang	Nam	Kinh	09/5/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		13h50'		
15	000015	0022411333	Mai Anh	Hà	Nam	Kinh	25/5/2003	Tiền Giang	P.305-C1		14h00'		
16	000016	0022411141	Hồ Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	Kinh	29/11/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		14h00'		
17	000017	0022410321	Nguyễn Tăng Bảo	Hân	Nữ	Kinh	27/4/2004	Bạc Liêu	P.305-C1		14h10'		
18	000018	0022410302	Nguyễn Phú	Hào	Nam	Kinh	24/6/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		14h10'		
19	000019	0022411123	Lê Thị Diệu	Hậu	Nữ	Kinh	08/10/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		14h20'		
20	000020	0022411001	Nguyễn Hồ Như	Hậu	Nữ	Kinh	18/7/2004	Đồng Tháp	P.305-C1		14h20'		
21	000021	0021410246	Nguyễn Thị Thuý	Hoa	Nữ	Kinh	07/8/2003	Đồng Tháp	P.305-C1		14h30'		
22	000022	0022410930	Mã Yến	Hương	Nữ	Kinh	23/8/2004	Long An	P.305-C1		14h30'		
23	000023	0019410452	Lê Hoàng	Huy	Nam	Kinh	09/01/2000	Đồng Tháp	P.305-C1		14h40'		
24	000024	0022412099	Nguyễn Bảo	Huy	Nam	Kinh	24/12/2004	Cà Mau	P.305-C1		14h40'		

Tổng số thí sinh: 24



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
Khóa 85, ngày 14/9/2024

PHÒNG THI SỐ: 02

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	Địa điểm
1	000025	0022412468	Cao Thị Yến	Khoa	Nữ	Kinh	19/9/2004	Cần Thơ	P.306-C1		14h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308-C1
2	000026	0022411072	Trần Đăng	Khoa	Nam	Kinh	25/10/1996	Đồng Tháp	P.306-C1		14h50'	
3	000027	0022412704	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	Kinh	26/11/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		15h00'	
4	000028	0022411573	Trần Thị Trúc	Lan	Nữ	Kinh	21/11/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		15h00'	
5	000029	0020410286	Đào Khánh	Linh	Nữ	Kinh	29/4/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		15h10'	
6	000030	0022412754	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	03/6/2004	An Giang	P.306-C1		15h10'	
7	000031	0022411942	Võ Thị Cẩm	Ly	Nữ	Kinh	16/12/2004	Long An	P.306-C1		15h20'	
8	000032	0021410429	Nguyễn Gia	Minh	Nam	Kinh	13/5/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		15h20'	
9	000033	0022412245	Nguyễn Ngọc	Mỹ	Nữ	Kinh	22/3/2004	Cà Mau	P.306-C1		15h30'	
10	000034	0022412682	Lê Trần Phương	Nam	Nam	Kinh	02/01/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		15h30'	
11	000035	0021410467	Dương Thị Kim	Ngân	Nữ	Kinh	18/4/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		15h40'	
12	000036	0022412567	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	Nữ	Kinh	22/02/2004	Tiền Giang	P.306-C1		15h40'	
13	000037	0022410517	Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	Kinh	02/11/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		15h50'	
14	000038	0021412787	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	Kinh	22/10/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		15h50'	
15	000039	0022410605	Thái Trần Tuyết	Ngọc	Nữ	Kinh	19/01/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		16h00'	
16	000040	0021410535	Trần Thị Yến	Ngọc	Nữ	Kinh	03/7/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		16h00'	
17	000041	0021411565	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	Nữ	Kinh	09/12/2003	Long An	P.306-C1		16h10'	
18	000042	0022410751	Bùi Thị Thanh	Nhàn	Nữ	Kinh	06/3/2004	Vĩnh Long	P.306-C1		16h10'	
19	000043	0022411325	Nguyễn Hiếu	Nhân	Nam	Kinh	23/6/2004	Đồng Tháp	P.306-C1		16h10'	
20	000044	0022412422	Phan Trọng	Nhân	Nam	Kinh	25/6/2004	An Giang	P.306-C1		16h10'	
21	000045	0020410409	Nguyễn Huỳnh Lâm	Nhi	Nữ	Kinh	09/7/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		16h10'	
22	000046	0022410391	Trần Ngọc Thiên	Nhi	Nữ	Kinh	15/01/2004	Tiền Giang	P.306-C1		16h10'	
23	000047	0021410621	Lê Bùi Yến	Như	Nữ	Kinh	21/3/2002	Đồng Tháp	P.306-C1		16h10'	
24	000048	0021410639	Phạm Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	19/01/2003	Đồng Tháp	P.306-C1		12h50'	

Tổng số thí sinh: 24



PHÒNG THI SỐ: 03

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG

THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên		Giới tính	Dân tộc	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung				
									Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói	
												Giờ thi	Địa điểm
1	000049	0021412932	Phan Võ Tâm	Như	Nữ	Kinh	25/02/2003	Long An	P.307-C1		12h50'	Phòng tập trung chờ thi: 308- C1	
2	000050	0022411862	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	Kinh	15/7/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'		
3	000051	0022410199	Trương Thị Quỳnh	Như	Nữ	Kinh	11/3/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h00'		
4	000052	0022412414	Võ Mỹ	Như	Nữ	Kinh	12/3/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h10'		
5	000053	0022410435	Phan Thị Kiều	Oanh	Nữ	Kinh	27/7/2004	An Giang	P.307-C1		13h10'		
6	000054	0021410740	Cao Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	19/10/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h20'		
7	000055	0021411692	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	Kinh	02/3/2003	Cà Mau	P.307-C1		13h20'		
8	000056	0022410162	Nguyễn Thuý	Quỳnh	Nữ	Kinh	26/8/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h30'		
9	000057	0022411091	Lê	Sang	Nam	Kinh	11/5/2004	TP HCM	P.307-C1		13h30'		
10	000058	0020411126	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	Kinh	02/6/2002	Cà Mau	P.307-C1		13h40'		
11	000059	0022410479	Đồng Thị Thanh	Tâm	Nữ	Kinh	05/9/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h40'		
12	000060	0021413134	Nguyễn Duy	Tân	Nam	Kinh	24/10/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'		
13	000061	0022410535	Trần Đắc	Thắng	Nam	Kinh	08/5/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		13h50'		
14	000062	0022412340	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	22/5/2004	Long An	P.307-C1		14h00'		
15	000063	0021410825	Trần Thị Mai	Thảo	Nữ	Kinh	16/4/2003	Kiên Giang	P.307-C1		14h00'		
16	000064	0022411396	Nguyễn Nhân Phú Thuận	Thiên	Nữ	Kinh	27/10/2004	Hậu Giang	P.307-C1		14h10'		
17	000065	0022412102	Diệp Hồng	Thơ	Nữ	Kinh	09/02/2004	Cà Mau	P.307-C1		14h10'		
18	000066	0022410592	Phạm Thị Ngọc	Thơ	Nữ	Kinh	19/8/2004	Tiền Giang	P.307-C1		14h20'		
19	000067	0022412026	Dương Anh	Thư	Nữ	Kinh	12/01/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h20'		
20	000068	0022411269	Hồ Thị Anh	Thư	Nữ	Kinh	02/9/2004	Đồng Tháp	P.307-C1		14h30'		
21	000069	0022412568	Huỳnh Lam	Thư	Nữ	Kinh	08/3/2004	An Giang	P.307-C1		14h30'		
22	000070	0020410490	Trần Thị Ngọc	Thuý	Nữ	Kinh	19/7/2002	Đồng Tháp	P.307-C1		14h40'		
23	000071	0022412041	Nguyễn Thị Cẩm	Thuý	Nữ	Kinh	13/10/2004	An Giang	P.307-C1		14h40'		
24	000072	0021413303	Nguyễn Thị Cẩm	Thuý	Nữ	Kinh	24/3/2003	Đồng Tháp	P.307-C1		14h50'		

Tổng số thí sinh: 24



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TIẾNG TRUNG
THI MÔN: NGHE, VIẾT, ĐỌC (SÁNG) - NÓI (CHIỀU)

Stt	SBD	CMND /MSSV	Họ và tên	Giới tính		Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Địa điểm thi/Thời gian tập trung			
								Nghe 6h45'	Viết 8h00'	Đọc 9h15'	Môn Nói Giờ thi Điểm
1	000073	0022412678	Nguyễn Bích Thùy	Nữ	Kinh	10/7/2004	An Giang	P.308-C1			14h50'
2	000074	0022412434	Nguyễn Thị Minh Thùy	Nữ	Kinh	20/3/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			15h00'
3	000075	0022412425	Đỗ Hoàng Ka	Nữ	Kinh	22/02/2004	Long An	P.308-C1			15h00'
4	000076	0022410252	Nguyễn Ngọc Ái	Nữ	Kinh	23/10/2004	Vĩnh Long	P.308-C1			15h10'
5	000077	0022412693	Phạm Thị Cẩm Tiên	Nữ	Kinh	14/7/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			15h10'
6	000078	0022411192	Trương Vĩnh Tiến	Nam	Kinh	22/4/2004	Tây Ninh	P.308-C1			15h20'
7	000079	0022410303	Nguyễn Bảo Trân	Nữ	Kinh	13/02/2004	Cà Mau	P.308-C1			15h20'
8	000080	0021413429	Đặng Lê Hà Trang	Nữ	Kinh	25/01/2003	Tiền Giang	P.308-C1			15h30'
9	000081	0022411364	Nguyễn Minh Trí	Nam	Kinh	13/10/2004	Bến Tre	P.308-C1			15h30'
10	000082	0022411382	Võ Thị Tú Trinh	Nữ	Kinh	27/3/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			15h40'
11	000083	0022411796	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	Kinh	26/11/2004	Hà Nội	P.308-C1			15h40'
12	000084	0021411000	Trần Thị Hồng Tươi	Nữ	Kinh	22/01/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			15h50'
13	000085	0022411700	Huỳnh Đình Tường	Nam	Kinh	08/11/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			15h50'
14	000086	0022411226	Lương Thị Mỹ Tuyền	Nữ	Kinh	27/10/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			16h00'
15	000087	0022412620	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	Kinh	14/9/2004	Đồng Tháp	P.308-C1			16h00'
16	000088	0021413543	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	Nữ	Kinh	10/02/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			16h10'
17	000089	0021411060	Phan Nguyễn Thuý Vy	Nữ	Kinh	31/8/2003	Tiền Giang	P.308-C1			16h10'
18	000090	0020410801	Phan Thị Mỹ Xuyên	Nữ	Kinh	12/9/2002	Đồng Tháp	P.308-C1			16h10'
19	000091	0021411082	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	13/7/2003	Đồng Tháp	P.308-C1			16h10'
20	000092	0021413632	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	Kinh	19/4/2003	Cà Mau	P.308-C1			16h10'
21	000093	0021413659	Lê Thị Ngọc Yến	Nữ	Kinh	27/8/2003	Tiền Giang	P.308-C1			16h10'

Phòng
tập
trung
chờ
thi:
308-
C1

Tổng số thí sinh: 21